

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2026/DS-PT

Ngày: 02 – 3 - 2026

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Liên Hiệp.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 962/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2025/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực X, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 339/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Hoàng Thanh N, sinh năm 1975; (có mặt)

1.2. Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1988; (có mặt)

Cùng địa chỉ: số D, Quốc lộ A, Khu phố A, Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Nay là Khu phố A, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1968; (có mặt)

2.2. Ông Huỳnh Khắc T2, sinh năm 1964; (có mặt)

Cùng địa chỉ: số 13, Khu phố M, N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Nay là số 39 Khu phố M, phường Q, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Thanh N và bà Lê Thị Kim T trình bày:
Vợ chồng tôi là chủ cửa hàng mua bán thuốc thủy sản. Vợ chồng tôi với vợ chồng ông Huỳnh Khắc T2 và bà Nguyễn Thị T1 là có quan hệ quen biết, do vợ chồng ông T2, bà T1 có mua thuốc thủy sản của chúng tôi để về nuôi cá. Từ năm 2012 đến 2015 vợ chồng tôi có bán cho vợ chồng ông T2, bà T1 nhiều lần và có trả dần. Hình thức mỗi lần bán chúng tôi có ghi sổ và vợ chồng ông T2, bà T1 có ký nhận.

Đến tháng 10/2015 chúng tôi và vợ chồng ông T2, bà T1 chốt sổ nợ với nhau thì vợ chồng ông T2, bà T1 còn nợ chúng tôi số tiền vốn mua thuốc còn thiếu là 19.310.000đồng. Sau đó vợ chồng ông T2, bà T1 có trả được 6.500.000 đồng, còn nợ lại 12.810.000đồng đến nay không trả.

Nay yêu cầu ông Huỳnh Khắc T2 và bà Nguyễn Thị T1 phải có trách nhiệm trả số tiền nợ vốn mua thuốc thủy sản còn thiếu là 12.810.000đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 11/2015 đến khi xét xử xong vụ án, với mức lãi suất 0,83%/tháng. Tạm tính số tiền lãi đến tháng 3/2025 là 12.014.499đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi là 24.842.499đồng. Trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông Huỳnh Khắc T2 và bà Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã được triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng ông T2 và bà T1 vẫn vắng mặt hai lần không có lý do và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2025/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 430, 431, 434, 440 và Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng Thanh N và bà Lê Thị Kim T.

- Buộc ông Huỳnh Khắc T2 và bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hoàng Thanh N và bà Lê Thị Kim T số tiền vốn mua thuốc thủy sản còn thiếu là 12.810.000đồng và 12.546.114 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 25.356.114 đồng (hai mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm mười bốn đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm

theo hướng buộc ông Huỳnh Khắc T2 và bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hoàng Thanh N và bà Lê Thị Kim T số tiền vốn mua thuốc thủy sản còn thiếu là 12.810.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Thanh N và bà Lê Thị Kim T án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Hợp đồng mua bán tài sản*” đúng quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T1. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Từ năm 2012 đến 2015 vợ chồng ông Huỳnh Khắc T2, bà Nguyễn Thị T1 nhiều lần mua thuốc thủy sản của ông Nguyễn Hoàng Thanh N và bà Lê Thị Kim T bán. Hình thức mỗi lần bán ông N, bà T có ghi sổ và vợ chồng ông T2, bà T1 có ký nhận và có trả dần đến khi chốt sổ nợ còn lại 12.810.000 đồng đến nay không trả nên nguyên đơn khởi kiện. Bị đơn ông T2 và bà T1 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng có đơn kháng cáo và tại phiên tòa đồng ý trả tiền nợ gốc 12.810.000 đồng nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Về lãi suất: Ông N và bà T yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn 12.810.000 đồng từ ngày 01/11/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,83/tháng. Xét thấy vợ chồng ông T2, bà T1 đã vi phạm thời gian trả nợ đã lâu, nay bà T1 kháng cáo xin không trả lãi làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông N, bà T; Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc bị đơn trả mức lãi suất là 0,83%/tháng trên số tiền nợ gốc 12.810.000 đồng tương ứng với thời gian

chậm trả từ ngày 01/11/2015 đến khi xét xử sơ thẩm là 118 tháng, số tiền lãi được tính như sau: $12.810.000\text{đồng} \times 0,83\% \times 118 \text{ tháng} = 12.546.114 \text{ đồng}$ là đúng quy định theo Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2025/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực X, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ các Điều 430, 431, 434, 440 và Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng Thanh N và bà Lê Thị Kim T.

- Buộc ông Huỳnh Khắc T2 và bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hoàng Thanh N và bà Lê Thị Kim T số tiền vốn mua thuốc thủy sản còn thiếu là 12.810.000đồng và 12.546.114 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 25.356.114 đồng (Hai mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Hoàng Thanh N và bà Lê Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Huỳnh Khắc T2 và bà Nguyễn Thị T1 chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Khắc T2 và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 1.267.805 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng Thanh N và bà Lê Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông, bà đã nộp 2.416.000 đồng theo biên lai thu số 0000786 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực X, tỉnh Đồng Tháp).

2.2. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002760 ngày 24/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực X - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực X - Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Hải